

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lạng Sơn là một tỉnh miền núi, biên giới địa đầu của Việt Nam. Lạng Sơn với phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và hùng vĩ, có truyền thống đấu tranh anh dũng bất khuất chống giặc ngoại xâm.

Lạng Sơn là vùng đất cộng cư lâu đời của nhiều dân tộc. Từ thời nguyên thủy đã có con người sinh sống trong các hang động Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, Kéo Lèng... Thời kỳ đồ đá dân cư đã đông đúc hơn ở trung tâm văn hoá Bắc Sơn, Mai Pha. Hiện nay ở Lạng Sơn có các dân tộc người: Nùng, Tày, Kinh, Dao, Sán Chay (Sán chỉ, Cao Lan), Hoa, Mông, Thái, Mường, Ngái, Lô Lô, Êđê, Sán diu. Họ có đời sống vật chất, tinh thần rất phong phú không ngừng cùng nhau phát huy bản sắc văn hóa của miền quê biên giới giàu truyền thống yêu quê hương, đất nước.

Cao Lộc huyện miền núi, biên giới nằm ở phía Đông – Bắc của tỉnh Lạng Sơn, là mảnh đất đã từng ghi lại nhiều chiến công hiển hách của dân tộc trong sự nghiệp kháng chiến chống giặc ngoại xâm, giữ gìn từng tấc đất biên cương của tổ quốc với những chiến công lẫy lừng như hạ thành Khâu ôn, cửa Pha Luỹ (Hữu Nghị Quan) năm 1427 làm nên đại thắng Chi Lăng. Tinh thần đại đoàn kết các dân tộc trong đấu tranh bảo vệ biên cương được ghi tại bia Thủy môn đình Đồng Đăng năm 1670.

Cao Lộc, nơi quần tụ sinh sống của các dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao. Đồng bào Tày, Nùng có khá nhiều lễ hội, ví như lễ hội trong các dịp Tết Nguyên đán, Tết Thanh minh, Tết Trung thu, Tết Đoan ngọ. Lễ hội Lồng Tồng là lễ hội tiêu biểu của đồng bào diễn ra vào sau Tết Nguyên đán hàng năm.

Lễ hội Lồng Tồng thu hút hàng vạn người tham gia, trong đó có du khách thập phương của cả nước. Việc tìm hiểu về lễ hội Lồng Tồng của dân

tộc Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn là một việc làm cần thiết để góp phần giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị bản sắc văn hoá đặc sắc của dân tộc Tày, Nùng ở Lạng Sơn nói chung và Cao Lộc nói riêng. Thông qua việc trình bày lễ hội Lòong Tồng của dân tộc Tày, Nùng ở Cao Lộc giúp chúng ta hiểu rõ thêm về đời sống vật chất, tinh thần của các dân tộc trong quá khứ và hiện tại.

Với những lý do trên tôi đã chọn vấn đề: “Lễ hội Lòong Tồng của dân tộc Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn” làm đề tài nghiên cứu cho mình. Hơn nữa là người dân tộc Tày được sinh ra và lớn lên, học tập công tác tại địa phương việc chọn đề tài này làm đề tài luận văn thạc sĩ còn giúp tôi thêm nhận thức và hiểu biết về tín ngưỡng, sinh hoạt văn hóa của cư dân nơi đây.

Nghiên cứu về lễ hội Lòong Tồng của dân tộc Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn còn góp phần truyền bá văn hóa lễ hội cho thế hệ trẻ thêm yêu quê hương, đất nước để có trách nhiệm giữ gìn, phát huy những tinh hoa, bản sắc văn hóa dân tộc, bài trừ mê tín dị đoan, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu lễ hội không chỉ góp phần lý giải nhiều vấn đề khoa học về những đặc điểm văn hoá tộc người Việt, về lịch sử và văn hoá làng xã, cũng như về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta mà còn góp phần tìm hiểu những tác động xã hội của lễ hội, những mặt tích cực cũng như những hạn chế qua các giai đoạn lịch sử khác nhau. Chính vì vậy nghiên cứu lễ hội đã góp phần đắc lực cho hoạt động thực tiễn. Với những ý nghĩa khoa học và thực tiễn trên từ lâu đề tài lễ hội được nhiều thế hệ học giả trong và ngoài nước lưu tâm.

Trước khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, lễ hội làng quê được ghi chép trong các sách địa chí như: *Đại Nam nhất thống chí*, *Sơn Tây tỉnh chí*.

Sau khi thực dân Pháp đặt ách thống trị lên đất nước ta, các học giả người Pháp đã có một số chuyên khảo về lễ hội như *Une Fête religieuse annamite au village de Phù Đổng của Duymuchiê*.

Một số nhà nghiên cứu, nhà nho, nhà báo người Việt cũng công bố các chuyên khảo có đề cập đến một phần hay toàn bộ lễ hội như "*Việt nam phong tục*" của Phan Kế Bính...Hay các bài báo giới thiệu các lễ hội trên các báo Phong hoá, Trung Bắc chủ nhật, Ngày nay...

Tác giả Toan Ánh đã giới thiệu các hội hè làng quê miền Bắc trong cuốn *Nếp cũ - Hội hè đình đám* (hai tập); Ngoài ra còn có các chuyên khảo về làng xã, phong tục, trong đó có đề cập đến lễ hội như *Đất lễ quê thói, Nếp cũ làng xóm Việt Nam*.

Ở miền Bắc, sau hòa bình lập lại các công trình đã xuất bản đề cập đến nhiều vấn đề, trong đó liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến lễ hội như: *Xã thôn Việt Nam* của Nguyễn Hồng Phong, *Thời đại Hùng Vương* (nhiều tác giả), *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*.

Năm 1969, tác giả Cao Huy Đình với *Người anh hùng làng Gióng* là tác phẩm đầu tiên bàn sâu về lễ hội, lấy lễ hội làm đối tượng nghiên cứu qua đó nhằm giải quyết về lý luận mối quan hệ giữa lễ hội, truyền thuyết và nền tảng xã hội trên quan điểm dân tộc học - lịch sử.

Trong những năm 1972 - 1978, trên "Thông báo dân tộc học" và Tạp chí Dân tộc học đã công bố một số bài về lễ hội. Tuy nhiên các đề tài này tập trung ở việc miêu tả lễ hội.

Từ giữa thập kỷ 80 trở đi việc nghiên cứu lễ hội được chú trọng hơn; nhiều bài báo về lễ hội được đăng trên các Tạp chí Dân tộc học, Văn hoá nghệ thuật, Văn hoá dân gian (ra mắt năm 1984), đáng lưu ý là hai tác giả Đặng Văn Lung và Thu Linh với "Lễ hội truyền thống và hiện đại". Đây là chuyên luận đầu tiên bàn đến lý luận về mối quan hệ giữa lễ hội truyền thống và xã hội hiện đại. Ngoài ra còn có các lễ hội ở các địa phương được giới thiệu trên

các sách địa chí như: *Địa chí Hà Bắc*, *Địa chí thành phố Hồ Chí Minh*, *Địa chí Minh Hải*, *Địa chí Vĩnh Phú*, *Văn hoá dân gian vùng đất Tổ...*

Từ năm 1988 đến nay, các chuyên khảo về lễ hội xuất hiện ngày càng nhiều như "Lễ hội dân gian Huế" (1988), "Hội hè Việt Nam" (1990), "Hội xú Bắc" (1989), Bảo tàng di tích - lễ hội (1992)...

Cho đến nay đề tài liên quan đến lễ hội Lòng Tồng nói chung một số công trình nghiên cứu như: Phan Đăng Nhật "*Lễ hội cổ truyền*", NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992. Đáng lưu ý có trang tác giả cho rằng: "Lễ hội là một pho lịch sử khổng lồ, ở đó tích tụ vô số những lớp phong tục, tín ngưỡng, văn hoá, nghệ thuật và cả các sự kiện xã hội - lịch sử quan trọng của dân tộc" và lễ hội "còn là bảo tàng sống về các mặt sinh hoạt văn hoá tinh thần của người Việt. Chúng đã sống, đang sống và với đặc trưng của mình, chúng tạo nên sức cuốn hút và thuyết phục mạnh mẽ nhất".

Trong cuốn *Lễ hội Việt Nam*, NXB Thanh Niên, Hà Nội, 2008 của các tác giả Vũ Ngọc Khánh - Vũ Thụy An đã viết về "lễ hội Lòng Tồng ở huyện Na Rì tỉnh Bắc Cạn" trong 3 trang (tr.197-199) các tác giả đã viết về địa điểm, nghi lễ cúng Thần nông và một số trò chơi, trò diễn trong lễ hội.

Các tác giả Phan Hữu Dật, Lê Ngọc Thắng, Lê Sỹ Giáo, Lâm Bá Nam với cuốn *Lễ hội cầu mùa của các dân tộc ở Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 1993 trong 9 trang (tr.42-50) các tác giả đã viết về "Hội xuống đồng (Hội Lòng Tồng)". "Đây là lễ hội truyền thống của cư dân nông nghiệp, một trong những hình thức sinh hoạt văn hoá đặc sắc ở vùng Việt Bắc". Ngoài ra còn đề cập đến mục đích, nguồn gốc của lễ hội và nêu Lòng Tồng gồm 2 phần: Lễ và hội "ở đây phân nghi lễ thể hiện cái tinh thần và phần hội thể hiện cái tinh hoa".

Cuốn *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, NXB. Văn hoá, Hà Nội của Trần Quốc Vượng, Lê Văn Hảo, Dương Tất Từ, 1976 trong 12 trang (tr.167-178) các tác giả đã viết về "Hội Lòng Tồng: Những ngày hội xuân tiêu biểu

của Việt Bắc" trong những trang này khi viết về hội Lòng Tồng các tác giả cũng đã trình bày về nguồn gốc của hội qua một số truyền thuyết ở Lạng Sơn, ở Cao Bằng...và đề cập đến một số nghi lễ và trò chơi trong ngày hội.

Tác giả Hoàng Choóng với *Hội Lòng Tồng*, Tạp chí Dân tộc học, Hà Nội, số 2, 1991 (tr.66-67) đã viết về "Hội Lòng Tồng ở Văn Lãng" trong đó có trình bày về vị trí địa lý của huyện, từ đó nói về vị trí quan trọng của hội Lòng Tồng của người Tày, Nùng, tác giả còn trình bày ý nghĩa của nghi lễ cúng Thần nông và một số trò chơi trong lễ hội.

Tác giả Lê Văn Kỳ trong *Lễ hội nông nghiệp Việt Nam*, NXB Văn hoá dân tộc, Hà Nội, 2002 trong 7 trang (tr.161-167) đã viết về "Lễ hội Lòng Tồng của người Tày, Nùng ở miền núi phía Bắc Việt Nam" và đã trình bày về thời gian, địa điểm mở hội, cách thức mở hội, những nghi lễ và các trò chơi dân gian của lễ hội cũng được tác giả trình bày khá cụ thể.

Trong cuốn *Các dân tộc Tày, Nùng ở Việt Nam*, Viện dân tộc học, NXB. Hà Nội, 1992 của nhiều tác giả trong 9 trang (tr.302-310) nói đến "Lễ hội Lòng Tồng của cư dân Tày, Nùng" phần này đã trình bày về thời gian, cách thức tổ chức lễ hội, các nghi lễ và trò chơi trong lễ hội.

Tác giả Hoàng Văn Páo với *Lễ hội Lòng Tồng của người Tày bản Chu xã Hưng Đạo, huyện Bình Gia tỉnh Lạng Sơn*, NXB. Văn hoá dân tộc, Hà Nội-2002, tác giả đã trình bày sâu sắc về lễ hội Lòng Tồng của người Tày ở xã Hưng Đạo huyện Bình Gia.

Mặc dù có nhiều cuốn sách và các công trình nghiên cứu về lễ hội Lòng Tồng ở nhiều địa phương trên cả nước; nhưng riêng về Lễ hội Lòng Tồng của dân tộc Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc, Lạng Sơn cho đến nay chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu cụ thể, nên tôi chọn đề tài: "Lễ hội Lòng Tồng của dân tộc Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn" làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

3. Mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, nhiệm vụ của đề tài

- *Mục đích nghiên cứu:* Mục đích chính là điều tra, miêu tả đầy đủ lễ hội Lòng Tồng của dân tộc Tày, Nùng ở Cao Lộc. Trên cơ sở đó đề cập đến vấn đề góp phần bảo lưu những giá trị truyền thống của lễ hội, đề xuất một số ý kiến về việc bảo tồn, phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực trong lễ hội Lòng Tồng.

Qua việc nghiên cứu lễ hội Lòng Tồng sẽ hiểu rõ hơn về sắc thái văn hoá của dân tộc Tày, Nùng nhằm giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, góp phần xây dựng và quản lý lễ hội trong giai đoạn Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước hiện nay.

- *Đối tượng nghiên cứu:* Nội dung Lễ hội Lòng Tồng của dân tộc Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc cũng như các yếu tố tín ngưỡng dân gian của các hoạt động đó.

- *Phạm vi nghiên cứu của đề tài:* Về không gian, thời gian, địa điểm tổ chức "Lễ hội Lòng Tồng" là ở huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Lễ hội diễn ra hàng năm vào tháng Giêng, ba (Âm lịch) ở trên các cánh đồng (hoặc đình làng nếu có).

- *Nhiệm vụ của đề tài:* Khái quát về kinh tế, văn hoá của huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn, phục dựng lễ hội Lòng Tồng của huyện Cao Lộc đồng thời rút ra những giá trị và vai trò của lễ hội Lòng Tồng đối với cộng đồng các dân tộc ở Cao Lộc. Thông qua đó đề cập tới những nét văn hóa lễ hội truyền thống và những nét văn hóa lễ hội đã đổi mới làm cơ sở đề xuất ý kiến về việc kế thừa, bảo tồn, phát triển những mặt tích cực trong lễ hội Lòng Tồng.

4. Nguồn tư liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tư liệu.

Để thực hiện đề tài này tác giả đã sử dụng những nguồn tài liệu chính sau đây:

- *Tư liệu thành văn*: Các tác phẩm, các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố và đăng tải trên các báo, tạp chí, sách địa chí và nhiều ấn phẩm khác nhau của địa phương và trong nước.

- *Tư liệu điền dã*: Là các thông tin thu thập được trong quá trình điều tra, khảo sát thực tế tại địa phương, cũng như khai thác từ các nhân chứng. Nguồn tư liệu này rất phong phú, tuy nhiên còn mang tính ước lệ thiếu tính khoa học chính xác. Do đó khi sử dụng cần rất thận trọng, cần kiểm chứng và xử lý một cách khoa học thì mới đủ sức tin cậy và sử dụng được.

4.2. Phương pháp nghiên cứu.

Để thực hiện đề tài này tác giả sử dụng các phương pháp lịch sử, phương pháp logic, so sánh, tổng hợp kết hợp với phương pháp điền dã dân tộc, phương pháp thống kê để thực hiện đề tài luận văn.

5. Đóng góp của luận văn

Luận văn góp phần nghiên cứu sâu về lễ hội Lồng Tồng của dân tộc Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở khai thác các nguồn tài liệu, các tài liệu này không chỉ giúp cho việc tìm hiểu, nghiên cứu về lễ hội truyền thống mà còn góp phần tìm hiểu về lễ hội hiện đại trong giai đoạn hiện nay.

Luận văn bước đầu đưa ra những nét riêng của lễ hội Lồng Tồng ở Cao Lộc, đồng thời so sánh với lễ hội Lồng Tồng cũng của dân tộc Tày Nùng ở một vài huyện khác trong tỉnh.

Luận văn trình bày một cách hệ thống về tiến trình tổ chức lễ hội từ đó rút ra được giá trị của lễ hội và vai trò của nó đối với việc xây dựng đời sống xã hội hiện nay.

Đề xuất một số ý kiến về việc kế thừa, bảo tồn, phát huy những mặt tích cực, hạn chế của lễ hội Lồng Tồng của dân tộc Tày, Nùng trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở miền núi phía Bắc nói chung và ở dân tộc Tày,

Nùng huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn nói riêng, đặc biệt là việc quản lý lễ hội cổ truyền trong giai đoạn hiện nay.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận văn được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: *Khái quát về huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.*

Chương 2: *Lễ hội Lồng Tồng của dân tộc Tày Nùng ở huyện Cao Lộc tỉnh Lạng Sơn.*

Chương 3: *Vai trò của lễ hội Lồng Tồng trong đời sống xã hội của các dân tộc Tày, Nùng ở huyện Cao Lộc, Lạng Sơn.*

NỘI DUNG
CHƯƠNG 1
KHÁI QUÁT VỀ HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

1.1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên của huyện Cao Lộc

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Cao Lộc nằm ở vị trí 21⁰45' đến 22⁰ vĩ bắc và 106⁰39' đến 107⁰03' kinh đông. Phía Bắc giáp tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc với đường biên giới dài trên 80km thuộc địa phận thị trấn Đồng Đăng và 5 xã: Bảo Lâm, Lộc Thanh, Cao Lâu, Xuất Lễ, Mẫu Sơn; Phía Đông giáp huyện Lộc Bình, Phía Tây và Tây bắc giáp huyện Văn Quan và Văn Lãng; Phía Nam giáp huyện Chi Lăng, chiều Nam Bắc dài 30 km, chiều Đông Tây dài 30 km.

Cao Lộc có những địa danh nổi tiếng như: Cửa khẩu Hữu Nghị, thị trấn Đồng Đăng. Phía Đông của huyện trập trùng dãy núi Công Sơn, Mẫu Sơn vừa hùng vĩ, vừa hiền hoà, khí hậu trong lành mát mẻ, nhiệt độ trung bình giữa mùa hè dưới 20⁰ C. Điều đặc biệt là có Thành phố Lạng Sơn nằm giữa lòng huyện Cao Lộc.

1.1.2. Điều kiện tự nhiên

Diện tích huyện Cao Lộc là 610,11km², trong đó đất có khả năng nông lâm nghiệp là 51318,4ha; Đất lâm nghiệp: 3501,04ha; đất nông nghiệp: 4193,6ha; đất chuyên dùng 837,66ha. Diện tích sông suối: 1036ha; diện tích mặt nước nuôi trồng thuỷ sản: 88,72ha. Đất đai huyện Cao Lộc nhìn chung ít màu mỡ, ít thuận lợi cho phát triển nông nghiệp.

Địa hình huyện Cao Lộc chia làm 4 phần khác nhau:

- Vùng có nhiều núi cao gồm các xã: Công Sơn, Mẫu Sơn, Đông Bắc xã Gia Cát, Đông Nam xã Hải Yên, phía Nam Cao Lâu, Xuất Lễ. Đỉnh cao nhất là Phia Mia (Mè), Phia Giang cao 1541m, tiếp đến là các đỉnh Khau Kheo cao 811m, Chóp Chài cao 800m.